

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 16/8/2021.

(Từ 17h00 ngày 15/8/2021 đến 17h00 ngày 16/8/2021)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

(Chi tiết ca mắc mới tại phụ lục 1)

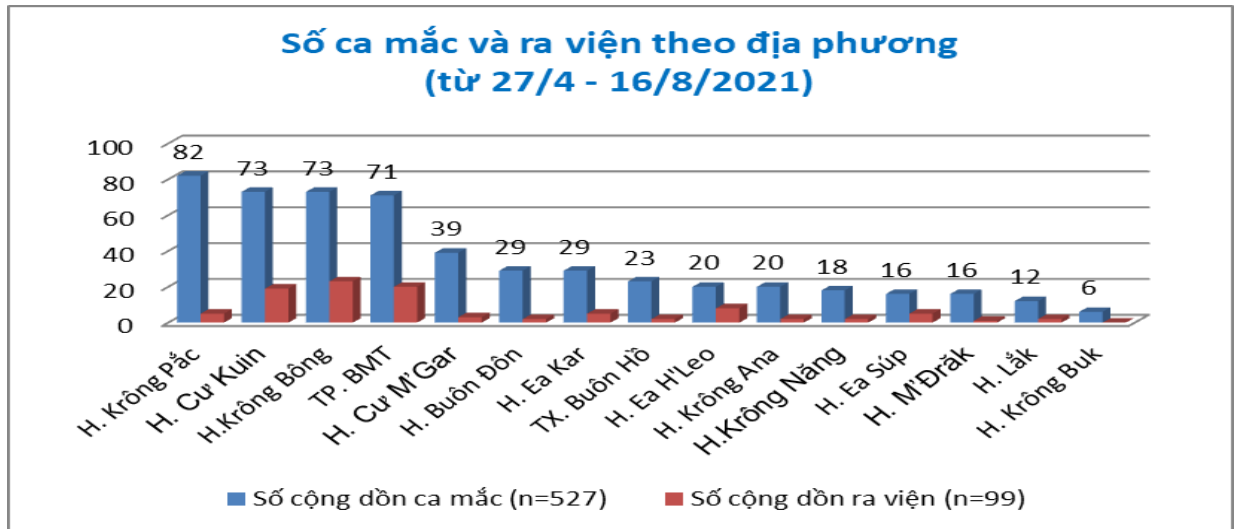
TT	Địa phương	Ca mới	Tích lũy	Ra viện	Nơi phát hiện (trong ngày)			
					Khu phong tỏa	Khu cách ly	Cộng đồng	Sàng lọc BV
1	TP.BMT	0	71	20	0	0	0	0
2	TX. Buôn Hồ	2	23	2	0	2	0	0
3	H. Ea H'Leo	0	20	8	0	0	0	0
4	H.Krông Năng	0	18	2	0	0	0	0
5	H. Cư M'Gar	1	39	3	0	1	0	0
6	H. M'Đrăk	0	16	1	0	0	0	0
7	H. Ea Kar	0	29	5	0	0	0	0
8	H. Krông Pắc	4	82	5	0	4	0	0
9	H.Krông Bông	0	73	23	0	0	0	0
10	H. Krông Ana	0	20	2	0	0	0	0
11	H. Cư Kuin	0	73	19	0	0	0	0
12	H. Lắk	0	12	2	0	0	0	0
13	H. Buôn Đôn	0	29	2	0	0	0	0
14	H. Ea Súp	0	16	5	0	0	0	0
15	H. Krông Buk	0	6	0	0	0	0	0
	TỔNG	07	527	99	0	7	0	0

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 16/8/2021 ghi nhận **527** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **99** trường hợp xuất viện (**14** trường hợp ra viện ngày 16/8), **02** trường hợp tử vong (tại Cư Kuin và TP.Buôn Ma Thuột), hiện còn điều trị **426** trường hợp.

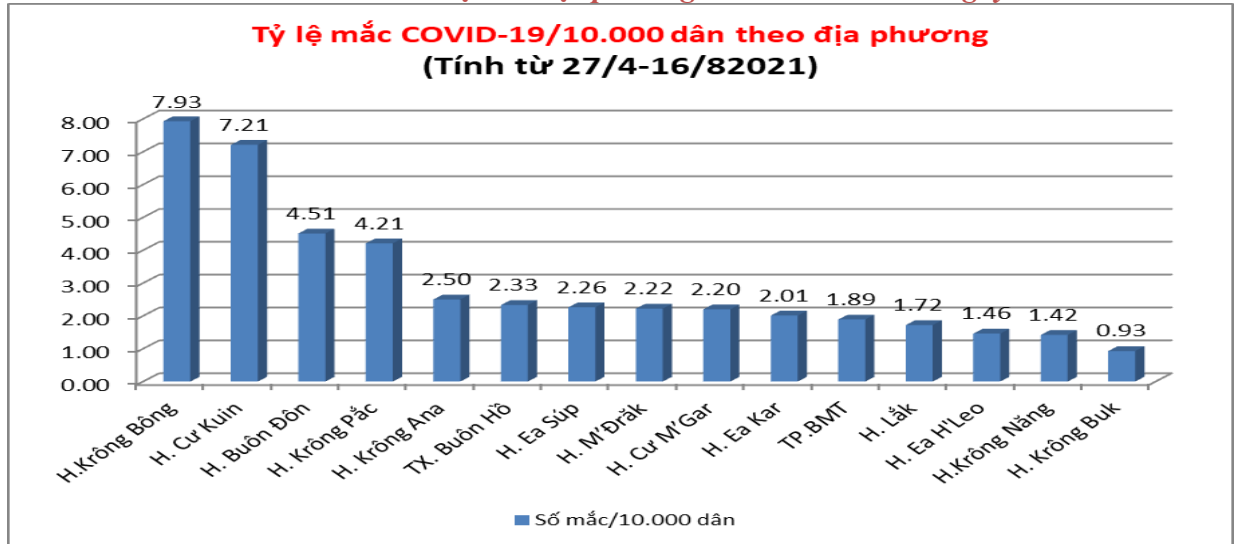
- Chi tiết một số chùm ca bệnh và danh sách bệnh nhân mới: (theo phụ lục 1)

- Bản đồ đánh giá nguy cơ tại huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (phụ lục 2)

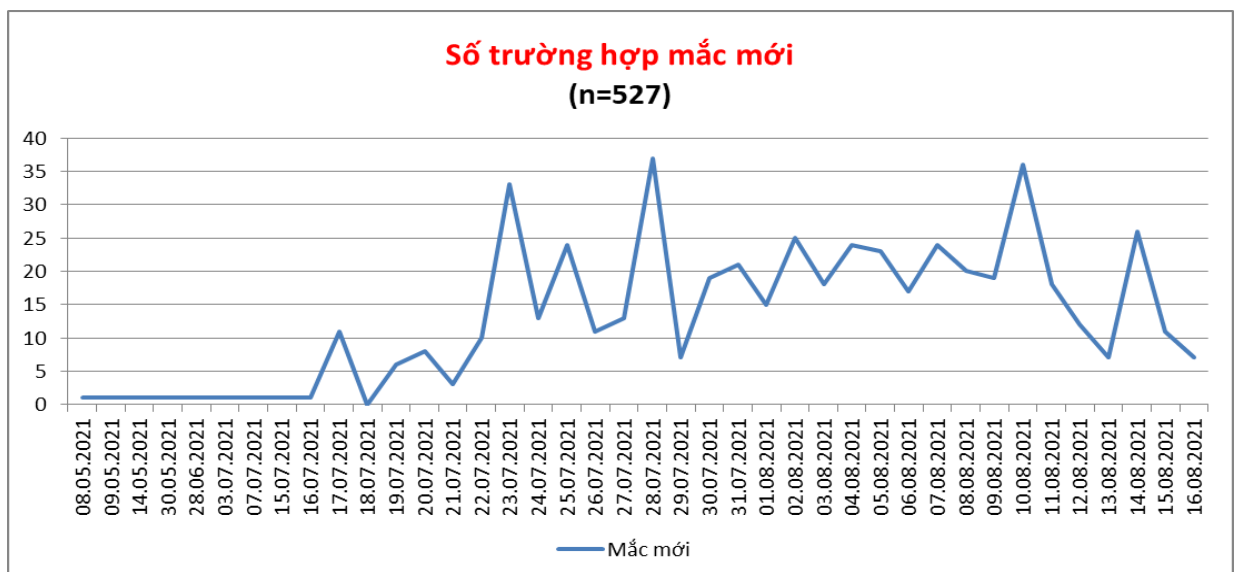
- Một số biểu đồ phân tích về tình hình dịch bệnh ngày 16/8/2021



Biểu đồ 1: Biểu đồ số ca mắc tại các địa phương tỉnh Đắk Lắk đến ngày 16/8/2021



Biểu đồ 2: Tỷ lệ ca mắc/10.000 dân tại các địa phương đến ngày 16/8/2021
(Tỷ lệ số ca mắc trung bình trên 100.000 dân của tỉnh Đắk Lắk là 2,82/10.000 dân)



Biểu đồ 3: Biểu đồ số ca mắc mới theo ngày tính đến 16/8/2021 tỉnh Đắk Lắk

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Tổng số cơ sở cách ly tập trung	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
			Mới	Tích lũy	Còn cách ly	Mới	Tích lũy	Còn cách ly
1	TP.BMT	13	76	643	192	19	14022	434
2	TX. Buôn Hồ	2	6	95	46	18	4447	119
3	H. Ea H'Leo	8	0	144	6	47	6943	709
4	H.Krông Năng	3	0	82	20	34	8170	368
5	H. Cư M'Gar	4	0	174	52	21	9327	2283
6	H. M'Đrăk	4	4	224	91	22	3427	568
7	H. Ea Kar	37	25	364	211	26	6626	304
8	H. Krông Pắc	2	6	215	137	47	12530	1.034
9	H.Krông Bông	37	4	997	242	170	5611	518
10	H. Krông Ana	4	5	115	61	20	5357	340
11	H. Cư Kuin	10	6	493	135	0	5284	178
12	H. Lắk	19	3	657	382	0	2159	235
13	H. Buôn Đôn	3	0	122	100	6	2952	195
14	H. Ea Sup	4	10	320	23	19	4032	184
15	H. Krông Buk	1	3	112	14	2	3704	233
	TỔNG	151	148	4757	1712	451	94591	7702

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 99 khu vực; đã giải tỏa: 78 khu vực
- Còn lại: 21 khu vực đang phong tỏa

c) Số lượng công dân từ vùng dịch (phía Nam) trở về tỉnh:

TT	Địa phương	Số hôm qua (người)	Số hôm nay (người)	Tích lũy (từ 27/4 đến nay)
1	TP.BMT	27	104	13744
2	TX. Buôn Hồ	1	4	3882
3	H. Ea H'Leo	11	18	4295
4	H.Krông Năng	27	34	8170
5	H. Cư M'Gar	4	27	7969
6	H. M'Đrăk	20	0	1930
7	H. Ea Kar	3	16	8035
8	H. Krông Pắc	246	92	19655
9	H.Krông Bông	0	4	3460
10	H. Krông Ana	6	4	3204
11	H. Cư Kuin	18	14	1520
12	H. Lắk	1	1	1985
13	H. Buôn Đôn	0	3	2327
14	H. Ea Sup	0	1	2061
15	H. Krông Buk	10	0	1882
	TỔNG	374	322	84119

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				Chờ kết quả
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	TP.BMT	100	0	14008	37	0	0	3234	45	0
2	TX. Buôn Hồ	82	0	4934	20	8	2	367	23	31
3	H. EaH'Leo	90	0	5252	27	1	0	325	20	8
4	H.Krông Năng	96	0	2166	17	0	0	121	18	0
5	H. Cư M'Gar	60	1	8015	35	8	0	2824	33	8
6	H. M'Đrăk	174	0	9777	16	73	0	738	16	73
7	H. Ea Kar	141	0	11847	30	26	0	696	29	44
8	H. Krông Pắc	470	0	13673	61	19	4	682	76	120
9	H.Krông Bông	262	4	11945	72	54	0	1557	73	54
10	H. Krông Ana	54	0	1990	14	7	0	210	19	25
11	H. Cư Kuin	26	0	7991	47	5	0	4434	73	0
12	H. Lắk	135	0	5671	17	0	0	766	12	0
13	H. Buôn Đôn	4	0	3833	23	1	0	799	29	77
14	H. Ea Sup	0	0	3320	17	74	0	926	16	0
15	H. Krông Buk	28	0	2575	0	22	0	382	6	40
	TỔNG	1722	5	106997	433	298	6	18061	488	480

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19:

a) Tính đến ngày 16/8/2021, tổng số liều vắc xin đã được tiêm trên toàn tỉnh là 95.808 liều trên tổng số 1.365.229 đối tượng đích, trong đó tiêm 1 mũi là 88120 liều (đạt tỷ lệ là **6,45%**), tiêm mũi 2 là 18.695 liều (đạt tỷ lệ là **1,37%**).

b) Tỷ lệ tiêm vắc xin đợt 4 từ 09/8 đến 16/8/2021 (Chi tiết tại phụ lục 3)

TT	Nội dung	Loại vắc xin			TỔNG
		Astra Zeneca	Pfizer	Modena	
1	Tiêm mũi 1	15.588	-	10.726	26.314
2	Tiêm mũi 2	1.957	-	3	1.960
3	Tổng số tiêm 2 mũi	17.545	-	10.729	28.274
4	Số ca phản ứng sau tiêm chủng	1	-	0	1
5	Số đơn vị triển khai	20/20	-	12/12	
6	Tổng số mũi vắc xin cần tiêm	18.000	-	15.540	33.540
7	Tỷ lệ tiêm đạt %	97,5	-	69,0	84,3

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số ra viện	Số BN hiện có	Biến động BN trong ngày			
						Mới	Chuyển viện	Ra viện	Tử vong
1	Bv Dã chiến 01	1000	222	0	220	0	2	0	0
2	TTYT H.Krông Búk	100	42	0	42	0	0	0	0
3	BVĐK khu vực 333	200	99	4	100	5	0	4	0
4	BV Lao và BP	100	71	10	59	0	1	10	1
5	BVĐK Vùng TN	80	0	0	5	5	0	0	0
TỔNG		1480	434	14	426	10	3	14	1

Tổng số bệnh nhân COVID-19: 527 trường hợp, trong đó có 99 trường hợp ra viện, 02 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 426 trường hợp.

b) Tình hình điều trị bệnh nhân

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Biểu hiện lâm sàng nhẹ	Tiền lượng nặng	Thở Oxy	Nặng: Thở máy không xâm nhập	Nguy kịch: Thở máy xâm nhập ICU	Nguy kịch (ECMO)	Cộng
1	Bv Dã chiến 01	163	57	0	0	0	0	0	220
2	TTYT H.Krông Búk	32	10	0	0	0	0	0	42
3	BVĐK khu vực 333	52	48	0	0	0	0	0	100
4	BV Lao và BP	0	46	0	12	0	1	0	59
5	BVĐK Vùng TN	0	0	0	0	5	0	0	5
Cộng		247	161	0	12	5	1	0	426

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

Sở Y tế đã điều động **248** nhân sự từ các bệnh viện, trung tâm y tế và các trường Đại học Buôn Ma Thuột, Đại học Tây Nguyên để tham gia công tác phòng chống dịch trên địa bàn (Chi tiết tại phụ lục 4).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 16/8/2021 của Sở Y tế./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV;
- Lưu: VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC

Nay Phi La

Phụ lục 1: BÁO CÁO CÁC TRƯỜNG HỢP MẮC MỚI NGÀY 16/8/2021

1. Danh sách các trường hợp mắc mới ngày 16/8/2021:

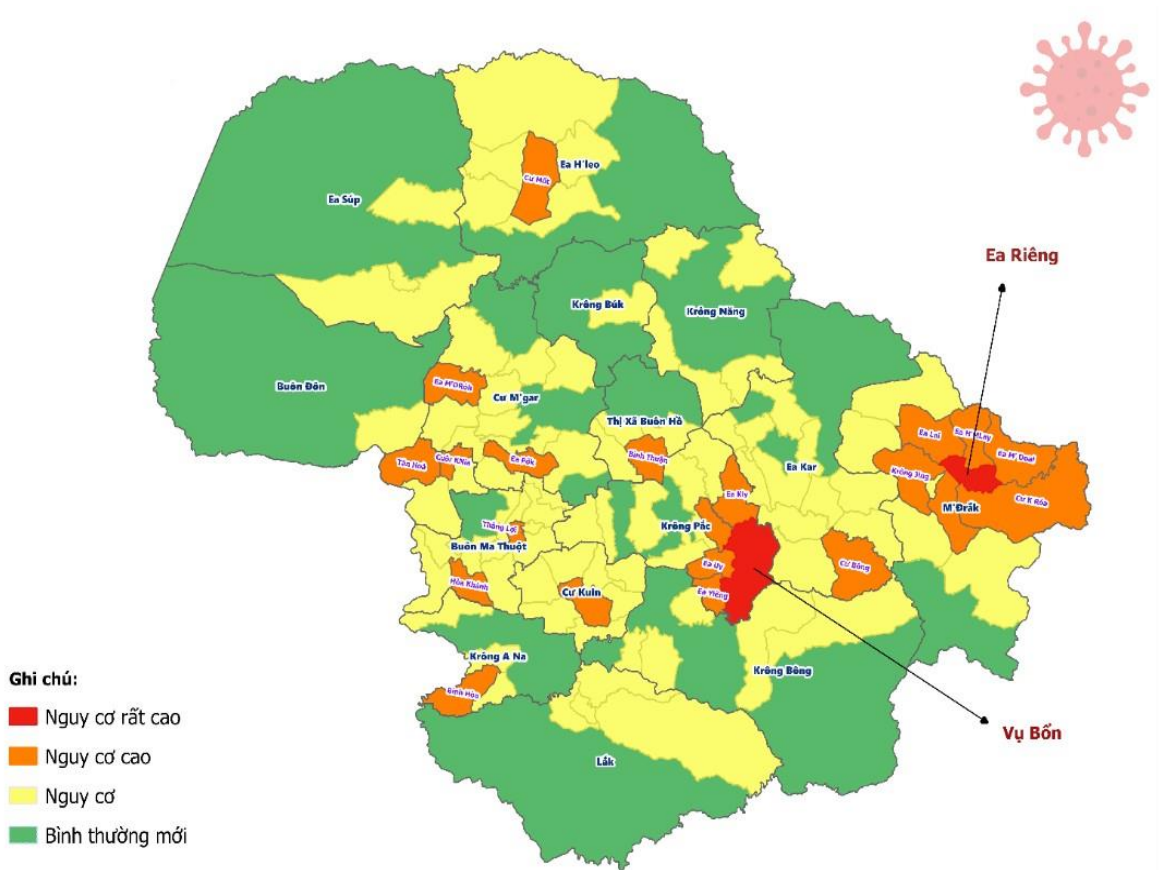
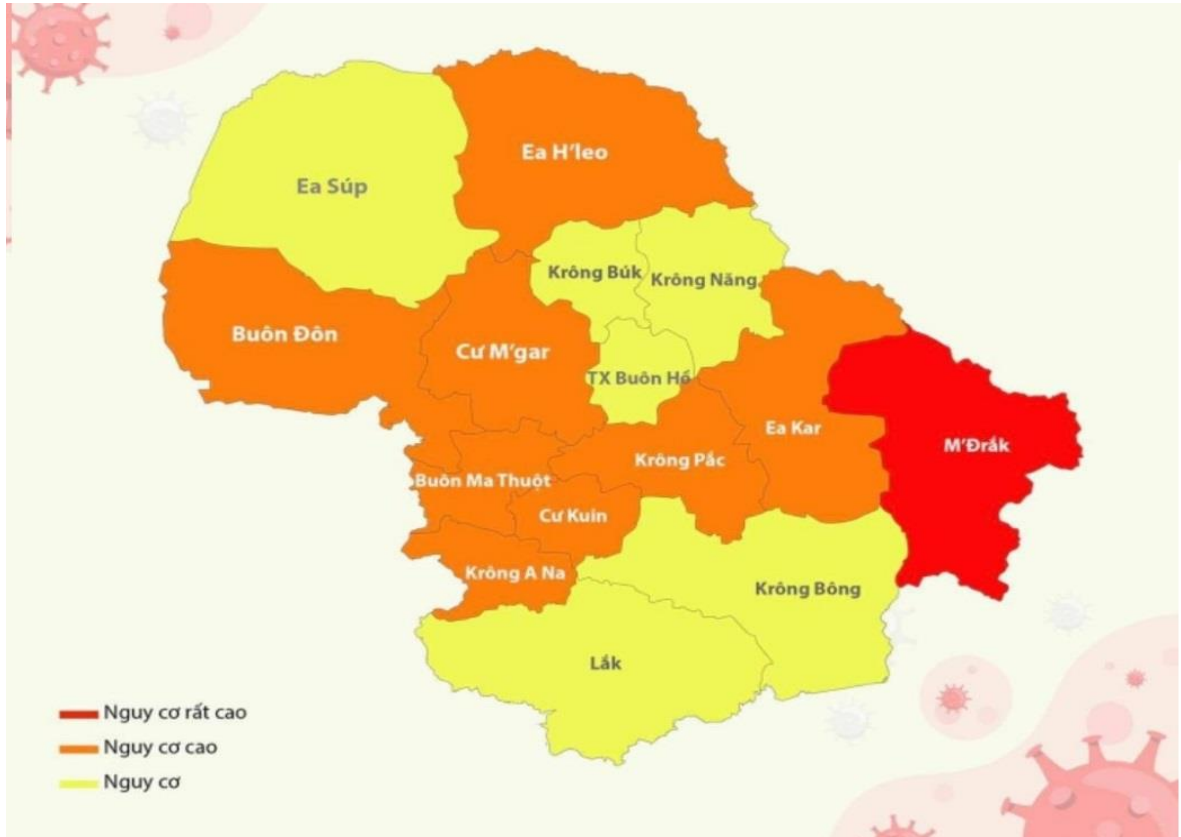
TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ	Dịch tễ
1.	H Min Eban	Nữ	1999	Cư M'Gar	Về từ Đồng Nai
2.	Trịnh Thị Hữu Phước	Nữ	1989	Krông Pắc	F1 BN Covid-19 tại Lạng Sơn. Cách ly tập trung
3.	Phạm Văn Sỹ	Nam	1980	Buôn Hồ	F1 BN MS161948
4.	Phạm Thị Mỹ Diệu	Nữ	2009	Buôn Hồ	F1 BN MS161948
5.	H Đa Byă	Nữ	1991	Krông Pắc	Về từ Bình Dương
6.	H Blan Niê	Nữ	1999	Krông Pắc	Về từ Bình Dương
7.	H Trem Bkrông	Nữ	1992	Krông Pắc	Về từ Bình Dương

2. Chi tiết một số chùm ca bệnh:

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
1	Chùm ca bệnh nguồn lây từ Buôn Ea Bhôk, xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	55	531	296
2	Chùm ca bệnh tại Buôn KoMong A, xã Ea Bhok, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk liên quan đến ca bệnh tại TP. HCM	3	0	0
3	Chùm ca bệnh tại thôn 8, xã Ea Hu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	4	6	8
4	Chùm ca bệnh có nguồn lây từ Đắk Nông liên quan F0 phát hiện đầu tiên là Nguyễn Văn Thoại (Ea Lê)	1	17	131
5	Ca bệnh Nguyễn Văn Tiêm (Ea Bung) về từ Bình Dương	5	61	301
6	Chùm ca bệnh có nguồn lây từ Bình Dương liên quan F0 phát hiện đầu tiên là Lê Thị Thủy (Ea Bung)	2	11	0
7	Ca bệnh Phùng Ngọc Khanh (Ia Rvê) về từ Bình Dương	1	7	0
8	Ca Bệnh Vàng A Lừ (CưkBang) về từ Bình Dương	2	13	21
9	Ca Bệnh Đàm Thị Len(TT Ea súp) về từ Bình Dương	2	0	0
10	Ca Bệnh Thảo Thị Dưa(CưkBang) về từ Bình Dương	2	0	0
11	Ca Bệnh Đinh Vũ Linh (Ea Rôk) về từ Bình Dương	01	10	0
12	Buôn Khóa, Cư Pui, Krông Bông	28	177	536
13	Buôn Cư Mil, Cư Pui, Krông Bông	3	22	93
14	Khu cách ly Trường tiểu học Ea Trul	5	2	0
15	Khu cách ly Trường tiểu học Sơn Phong (điểm trường Buôn Ngô A)	11	12	0
16	Khu cách ly trường dân tộc nội trú	5	0	0
17	Khu cách ly trường Trần Hưng Đạo, Cư Drăm	1	0	0
18	Chùm ca có nguồn lây từ Đà Nẵng liên quan F0 phát hiện đầu tiên là: Cao Thị Thanh Thảo	02	13	313

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
19	Chùm ca liên quan F0 Nguyễn Thanh Hải	20	289	1556
20	Chùm ca chưa rõ nguồn lây liên quan F0 phát hiện đầu tiên là Đinh Thị Âm (Trần Quý Cáp)	2	32	207
21	Chùm ca chưa rõ nguồn lây liên quan F0 phát hiện đầu tiên là Nguyễn Đông Anh (Tuệ Tĩnh)	9	43	157
22	Chùm ca chưa rõ nguồn lây liên quan F0 phát hiện đầu tiên là H Sang Niê (Ama Jhao)	10	28	45
23	Chùm ca có nguồn lây từ TP.HCM liên quan F0 phát hiện đầu tiên là tài xế Trần Minh Hiến (Tân Hòa)	7	19	13
24	Chùm ca có nguồn lây từ TP.HCM liên quan F0 phát hiện đầu tiên là Nguyễn Thị Tuyết Trinh (Hòa Khánh)	5	26	167
25	Ca bệnh Phạm Hiệp liên quan đến tài xế ở Bình Dương tiếp xúc tại bến xe liên tỉnh phía Bắc	1	2	0
26	Ca Bệnh Châu Thiên Thư Eban: Về từ Đồng Nai được đón và cách ly	2	1	0
27	Chùm ca bệnh Hà Văn Xuyên, Hà Võ Nhật Vy đi về từ Bình Dương	2	0	0
28	Ca bệnh Y Châu Sang đi về từ Đồng Nai test nhanh kháng nguyên ngày 29/7/2021 âm tính, sau 7 được test lại dương tính ngày 4/8/2021.	1	10	0
29	Ca bệnh Nguyễn Thanh Sơn đi về từ TP.HCM test nhanh kháng nguyên ngày 31/7/2021 âm tính, sau 7 được test lại dương tính ngày 6/8/2021.	1	1	3
30	Ca bệnh H Phi Niê đi về từ Đồng Nai test nhanh kháng nguyên ngày 30/7/2021 âm tính, ngày 11/8/2021 kết quả PCR dương tính dương tính.	2	2	0
31	Chùm ca bệnh có nguồn lây từ BN P.L.T.U ở Ea Kar là: Dương Hải Hà Giang và Lương Ngọc Huy	2	26	46
32	Đoàn Kết, Ea Mđroh, Cư M'Gar	3	28	45
33	Thôn 11, Ea Riêng, M'Đrắk	10	132	94
34	Thôn 2, xã Cư Mốt, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk	3	2	0

**Phụ lục 2: Bản đồ đánh giá mức độ nguy cơ tại các địa phương
(Đánh giá mức độ nguy cơ từ ngày 13/8/2021)**



Bản đồ 2: Cập nhật nguy cơ tại xã/phường/thị trấn ngày đến 13/8/2021

Phụ lục 3: TỶ LỆ TIÊM VẮC XIN COVID-19 TỪNG ĐƠN VỊ - Đợt 4
(*Tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày 16/8/2021*)

TT	Địa phương	Số đối tượng tiêm	Kết quả tiêm					Tỷ lệ tiêm
			M1	M2	Tổng số tiêm đủ 2 mũi	Số ca PU STC	TS mũi VX cần tiêm	
1	TP Buôn Ma Thuột	6.808	2.098	502	502	0	8.008	32,5
2	Lắk	260	202	71	71	0	260	105,0
3	Krông Bông	330	304	50	50	0	330	107,3
4	Krông Buk	962	865	156	156	0	962	106,1
5	Ea H'leo	1.588	1.492	98	98	0	1.588	100,1
6	Krông Pắc	4.228	4.041	223	223	0	4.228	100,9
7	Krông Ana	1.252	1.220	55	55	0	1.252	101,8
8	Cư M'Gar	2.380	2.785	75	75	0	2.380	120,2
9	Ea Súp	530	497	113	113	0	530	115,1
10	M'Đrăk	544	272	3	3	0	544	50,6
11	Krông Năng	2.680	3.007	135	135	0	2.680	117,2
12	Ea Kar	3.070	3.283	50	50	0	3.070	108,6
13	Buôn Đôn	230	207	51	51	0	230	112,2
14	Cư Kuin	1.540	1.548	0	0	0	1.540	100,5
15	Tx.Buôn Hồ	1.050	1.129	19	19	1	1.226	93,6
16	TT KSBT	3.446	499	300	300	0	1.350	59,2
17	BV Vùng Tây Nguyên	504	422	0	0	0	514	82,1
18	BV TPBMT	1.000	1.297	0	0	0	1.654	78,4
19	BV Trường ĐH Tây Nguyên	612	581	46	46	0	654	95,9
20	BVĐK Thiện Hạnh	506	565	13	13	0	540	107,0
	TỔNG	33.520	26.314	1.960	1.960	1	33.540	84,3

Phụ lục 4: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân sự điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									TỔNG CỘNG
		Bác sĩ	ĐD/ NHS /YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyên viên	Nhân lực khác	
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	4	6								10
2	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh	18	41	6	8	4			2	13	92
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			4				16			20
4	Trung tâm Y tế TP.Buôn Ma Thuột						1	68			69
5	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5				4				14
6	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2									2
7	Khu cách ly KTX Trường ĐH Tây Nguyên	5	7		1						13
8	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							28			28
TỔNG CỘNG		34	59	10	9	4	5	112	2	13	248

2. Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									TỔNG CỘNG
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/ Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác	
1	Y tế công lập	34	59	10	9	4	5	0	0	13	134
1.1	Sở Y tế	1									1
1.2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	16	15	2	4	2	2			5	46
1.3	Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột	7	2	4						5	18
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	2	1							2	5
1.5	Trung tâm Y tế huyện Buôn Đôn	1	7				1				9
1.6	Bệnh viện Y học cổ truyền	5	8		3	2				1	19
1.7	Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar		7								7
1.8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm			4	2						6
1.9	TTYT huyện Ea Súp	1	1								2
1.10	TTYT huyện Lắk		8								8
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	1	3								4
1.12	TTYT huyện Ea Kar		7								7
1.13	TTYT huyện Krông Búk						1				1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1
2	Bệnh viện tư nhân										0
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa, Phòng khám chuyên khoa,...)										0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0
5	Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	112	0	0	112
5.1	Trường Đại học Buôn Ma Thuột							66			66
5.2	Trường Đại học Tây Nguyên							46			46
6	Tình nguyện viên								2		2
TỔNG CỘNG		34	59	10	9	4	5	112	2	13	248